

Số: 31/2024/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở;

Thực hiện Thông báo kết luận số 1091-TB/TU ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Xét Tờ trình 171/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-BPC ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2024.

Nghị quyết này bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 2 Chương I và Chương II của Quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố.



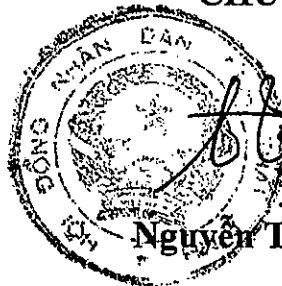
(Handwritten signature)

phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ; Tài chính; Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VT, TTDN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành
Nguyễn Tiến Thành





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố; chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; quy định kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là ở cấp xã).
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 14 chức danh, gồm:

- Phó Trưởng ban Tuyên giáo trực tiếp làm báo cáo viên;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng;

- c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- d) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân);
- e) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- g) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- h) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- i) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- k) Văn phòng Đảng ủy;
- l) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;
- m) Nhân viên thú y;
- n) Trưởng Đài truyền thanh;
- o) Nhân viên Đài truyền thanh.

2. Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng phụ cấp hàng tháng theo hệ số mức lương cơ sở và theo loại đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Chức danh	Hệ số phụ cấp hàng tháng		
		Cấp xã loại I	Cấp xã loại II	Cấp xã loại III
1	Phó Trưởng ban Tuyên giáo trực tiếp làm báo cáo viên	0,91	0,88	0,84
2	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng	0,91	0,88	0,84
3	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,81	0,78	0,74
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	0,81	0,78	0,74
5	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân)	0,81	0,78	0,74

TRU

STT	Chức danh	Hệ số phụ cấp hàng tháng		
		Cấp xã loại I	Cấp xã loại II	Cấp xã loại III
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	0,81	0,78	0,74
7	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,81	0,78	0,74
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,81	0,78	0,74
9	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,91	0,88	0,84
10	Văn phòng Đảng ủy	0,91	0,88	0,84
11	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	1,00	1,00	1,00
12	Nhân viên thú y	1,00	1,00	1,00
13	Trưởng Đài truyền thanh	1,00	1,00	1,00
14	Nhân viên Đài truyền thanh	0,86	0,86	0,86

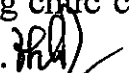
b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, ngoài được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo điểm a khoản này còn được hưởng thêm mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ đào tạo như sau:

- Người có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ đào tạo bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.

- Người có trình độ chuyên môn tốt nghiệp cao đẳng được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ đào tạo bằng 0,25 lần mức lương cơ sở.

- Người có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp được hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo trình độ đào tạo bằng 0,2 lần mức lương cơ sở.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. 

Điều 4. Chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng theo hệ số mức lương cơ sở và theo loại thôn, tổ dân phố:

STT	Chức danh	Hệ số phụ cấp hàng tháng		
		Loại I	Loại II	Loại III
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	1,1	1,05	1,00
2	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố	0,72	0,68	0,64

3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chế độ mai táng phí

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (trừ những trường hợp đã được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của pháp luật) nếu từ trần khi đang đảm nhiệm chức danh không chuyên trách thì người lo mai táng được trợ cấp mai táng bằng 5 lần mức lương cơ sở tại thời điểm người hoạt động không chuyên trách từ trần.

Chương III

NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố và Phó Bí thư chi bộ, Bí thư chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng

Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh thôn, tổ dân phố như sau:

STT	Chức danh	Hệ số phụ cấp hàng tháng		
		Loại I	Loại II	Loại III
1	Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	0,75	0,7	0,65
2	Phó Bí thư chi bộ, Bí thư chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh thôn, tổ dân phố	0,15	0,1	0,1

2. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

QUY ĐỊNH KIÊM NHIỆM

Điều 6. Quy định kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp hàng tháng quy định của chức danh kiêm nhiệm (không tính phụ cấp theo trình độ đào tạo).

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp hàng tháng quy định của chức danh kiêm nhiệm (không tính phụ cấp theo trình độ đào tạo).

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố hoặc không quá 02 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp hoặc mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.

4. Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố do Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm.

5. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. /.